TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/DS-ST
Ngày: 23 - 3 - 2023
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ Th gồm có:

Th phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai.

Các Hội Th nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Trần Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ Th công khai vụ án thụ lý số: 545/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp Tân B, xã Tân Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Đào Tấn Ng, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp Tân B, xã Tân Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Nguyễn Cẩm X, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp Tân B, xã Tân Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của ngày 14/12/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Trúc M trình bày*:

Vào ngày 15/6/2020 âm lịch, chị M có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm 28 chưng, mỗi tháng khui 1 lần vào ngày 15 âm lịch hàng tháng, gom hụi vào ngày 20 hàng tháng. Ông Ng và bà X có tham gia 01 chưng và hốt hụi vào kì khui đầu tiên. Đến kì khui ngày 15/7/2021 dịch bệnh Covid 19 diễn Biến

phức tạp nhưng vẫn tiến hành khui, ở kì khui này Thím B bỏ hốt với số tiền 650.000 đồng. Đến ngày 16/7/2021 âm lịch Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau ra Quyết định số 1629/QĐ-UBND về việc áp dụng chỉ thị 16 về thực hiện giản cách xã hội nên chị M có thông báo ngay cho các hụi viên là đình lại 1 tháng không gom. Sau khi thông báo thì được Thím B và các hụi viên khác đồng ý trong đó có bà X và ông Ng, nên ở kì khui này không tiến hành gom hụi của ai. Đến ngày 20/8/2021 mới gom hụi của kì khui ngày 15/7 chứ ngày 15/8 không khui. Ngày 20/8/2021 các hụi viên thực hiện việc đóng hụi đầy đủ, không ai có ý kiến gì. Do đình một tháng nên hụi sẽ mãn trễ một tháng, tức sẽ mãn vào 15/10/2022. Ngày 20/10/2022 chị M gom hụi kì cuối thì chỉ có vợ chồng ông Ng, bà X và bà Út Th không đóng mà cho rằng hụi mãn vào tháng 9/2022, trong khi các hụi viên khác đều đóng.

Chị M xác định ông Ng và bà X còn thiếu 1 kì hụi chết trong dây hụi trên nên yêu cầu bà Nguyễn Cẩm X và ông Đào Tấn Ng trả lại số tiền hụi là 2.000.000 đồng.

** Bị đơn ông Đào Tấn Ng và bà Nguyễn Cẩm X trình bày:*

Qua trình bày của chị M về thời gian mở hụi, loại hụi tham gia là đúng. Tuy nhiên, quá trình tham gia từ khi khui cho đến mãn mặc dù có dịch bệnh nhưng chị M không có đình hụi. Theo tin nhắn còn lưu trong điện thoại con dâu ông, bà có hỏi chị M có đình hụi đối với dây hụi trên hay không thì chị M nói không đình. Do đó, ngày 20/7/2021 bà X có gửi tiền cho con dâu nhờ đóng hụi thay. Ngày chị M đến gom hụi con dâu ông là người đưa tiền, có bà X chứng kiến, ngoài ra không có ai chứng kiến. Đối với các hụi viên khác có ngưng đóng hụi hay không thì ông, bà không Bết nhưng ông, bà xác định đã đóng đầy đủ, không ngưng đóng ở bất kì tháng nào nên lần đóng sau cùng vào ngày 20/9/2022 là mãn hụi. Đến ngày 20/10/2022 chị M tiếp tục đến gom hụi nữa nên ông, bà không thống nhất. Qua yêu cầu khởi kiện của chị M ông, bà không đồng ý.

** Tại phiên tòa*:

Kiểm sát viên phát Bểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, buộc ông Ng và bà X phải trả số tiền hụi 2.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm ông Ng và bà X phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị M khởi kiện ông Ng và bà X yêu cầu trả lại số tiền hụi 2.000.000 đồng. Nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hụi theo Điều 471 Bộ luật Dân sự và thuộc Th quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị M, thấy rằng: Giao dịch hụi giữa chị M với ông Ng và bà X thực tế có xảy ra, được ông Ng và bà X thừa nhận.

Theo lời trình bày của chị Lê Thúy H, chị Nguyễn Thị Ph, chị Đoàn Thị L, chị Lê Hồng A tại Bên bản làm việc ngày 17/02/2023 của Tòa án đều xác định có tham gia hụi cùng với ông Ng và bà X trong dây hụi do chị M làm chủ, chị M có đình gom 01 tháng, dù là có khui hụi nhưng đến ngày gom thì bị áp dụng chỉ thị 16 về giãn cách xã hội nên chị M có thông báo đến các hụi viên, việc chị M có thông báo cho ông Ng và bà X hay không và ông Ng, bà X có đóng tiền cho chị M hay không thì họ không biết.

Thấy rằng, Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 về áp dụng thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Cà Mau được đối chiếu với ngày âm lịch trong tháng 8/2021 trùng vào ngày 16/7/2021, tức là sau ngày khui hụi 1 ngày.

Ông Ng và bà X cho rằng chị M không đình khui và gom hụi được thể hiện qua tin nhắn giữa con dâu ông bà với chị M vào ngày 20/8/2021 dương lịch trùng vào ngày 13/7/2021 là chưa đến ngày khui hụi. Bà X căn cứ vào tin nhắn này để cho rằng chị M có khui hụi và gom hụi là không có căn cứ. Ông bà xác định có đóng đầy đủ nhưng không chứng minh được việc có đóng hụi nên phải tự chịu hậu quả về việc không chứng minh được của mình.

Từ các lập luận nêu trên thấy rằng lời trình bày của chị M phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập nên có cơ sở kết luận chị M có dừng gom hụi 1 tháng, hụi mãn vào ngày 15/10/2022, ông Ng và bà X chưa đóng hụi chết ở kì khui này nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M. Buộc ông Ng bà X trả cho chị M số tiền 2.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ Th: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Ng và bà X phải chịu án phí dân sự sơ Th 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc M.

Buộc ông Đào Tấn Ng và bà Nguyễn Cẩm X có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Trúc M số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị Trúc M cho đến khi thi hành xong tất cả số tiền nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ Th:

2.1. Ông Đào Tấn Ng và bà Nguyễn Cẩm X phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng);

2.2. Chị Nguyễn Thị Trúc M không phải chịu án phí dân sự sơ Th, chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ Th đã nộp tại Bên lai số 0013390 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án huyện Đầm D được nhận lại.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai